

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LA

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị M.

2. Ông Lý Quốc Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện MH.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MH, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 09/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh LA.

Bà T có mặt; ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện M, tỉnh LA năm 2011. Vợ chồng bà T có với nhau một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không chung thủy, ông T1 có quan hệ tình cảm với

nhều người phụ nữ khác. Bà T nhiều lần khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi. Bà T xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn. Về con chung, bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Gia H, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông T không đồng ý ly hôn, lý do ông còn tình cảm với bà T nhưng do ông và bà T bất đồng quan điểm xảy ra cãi vã trong lúc nóng giận bà T đã đi nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ông T có mong muốn hàn gắn, không đồng ý ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1 nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông T1 cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MH theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông T1: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông T1 vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông T1.

[3]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh LA nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà T:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án mà không có lý do, thể hiện ý chí ông T1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không chung thủy, ông T1 có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Bà T nhiều lần khuyên can nhưng ông T1 không thay đổi. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 và cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1.

[4.2]. Về con chung: Bà T trình bày con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2010, con chung có nguyện vọng sống cùng với bà T, ông T1 không có ý kiến nên giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ khoản 2

Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện nên ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, ông T1 không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà T về việc không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh T đối với ông Nguyễn Văn T1.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2010, hiện đang sống với bà T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thanh T về việc không có tài sản chung, nợ chung.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0002761 ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MH sang thi hành án phí, bà T đã nộp đủ án phí.

7. Bà Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn

15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND huyện MH;
- CC.THADS huyện MH;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L